

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-26
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng theo:

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

- Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần.

- Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200534908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Trọng Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Hoàng Đăng Hưng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Luân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	
Ông Đinh Văn Việt	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Phục Long	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đỗ Trọng Nam	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Anh Đào	Trưởng ban	
Bà Lưu Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/4/2021
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2022

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh miền Bắc đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đỗ Trọng Nam

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2022



Số: 01/2021/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng được lập ngày 07 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Kim Hồng

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3703-2021-045-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ
THĂNG LONG - T.D.K - CN MIỀN BẮC**

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2022

Trần Thị Trang Dung

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2982-2020-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		31.193.145.009	40.674.019.608
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.742.939.563	9.344.399.782
111	1. Tiền		6.408.433.986	1.039.894.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.334.505.577	8.304.505.577
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	502.343.970	478.878.904
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		502.343.970	478.878.904
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.947.861.476	30.850.740.922
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.371.303.580	28.307.692.120
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.081.422.571	2.141.215.265
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	495.135.325	401.833.537
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.687.788.056	28.877.396.336
220	II. Tài sản cố định		27.687.788.056	28.877.396.336
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	27.687.788.056	28.877.396.336
222	- Nguyên giá		66.192.401.546	63.190.659.669
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.504.613.490)	(34.313.263.333)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.880.933.065	69.551.415.944

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		20.201.794.055	30.686.477.969
310	I. Nợ ngắn hạn		20.201.794.055	30.686.477.969
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	6.988.248.534	17.674.286.608
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	242.352.849	625.706.649
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.969.280.759	2.784.805.107
314	4. Phải trả người lao động		6.177.453.131	6.421.790.520
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	-	17.643.434
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	1.732.046.776	891.555.869
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.265.610.007	1.902.837.563
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		826.801.999	367.852.219
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.679.139.010	38.864.937.975
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	25.962.860.188	24.896.298.053
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.111.628.273	1.415.460.828
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.851.231.915	3.480.837.225
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		261.062.792	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		3.590.169.123	3.480.837.225
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		12.716.278.822	13.968.639.922
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		12.716.278.822	13.968.639.922
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.880.933.065	69.551.415.944



Phạm Thị Thu Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Luân
Kế toán trưởng





Đỗ Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	116.221.210.224	109.830.648.416
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	64.063.636	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.157.146.588	109.830.648.416
11	4. Giá vốn hàng bán	17	100.823.400.026	95.673.019.632
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.333.746.562	14.157.628.784
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	299.695.171	486.389.356
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	11.187.242.706	10.312.455.534
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.446.199.027	4.331.562.606
31	11. Thu nhập khác	20	48.983.169	19.618.182
32	12. Chi phí khác	21	5.976.634	134.257
40	13. Lợi nhuận khác		43.006.535	19.483.925
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.489.205.562	4.351.046.531
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	899.036.439	870.209.306
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.590.169.123	3.480.837.225



Phạm Thị Thu Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Luân
Kế toán trưởng




Đỗ Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.489.205.562	4.351.046.531
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.321.122.885	4.117.913.462
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		299.695.171	486.389.356
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.110.023.618	8.955.349.349
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.902.879.446	1.767.101.401
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.772.460.731)	(1.323.919.666)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(809.146.514)	(350.930.316)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.217.175.754)	(3.110.744.311)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.214.120.065	5.936.856.457
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.131.514.605)	(2.058.717.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		299.695.171	486.389.356
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.831.819.434)	(1.572.327.644)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(983.760.850)	(688.632.501)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(983.760.850)	(688.632.501)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		398.539.781	3.675.896.312
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.344.399.782	5.668.503.470
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		9.742.939.563	9.344.399.782



Phạm Thị Thu Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Luân
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

- Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần.

- Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200534908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, thoát nước;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện chiếu sáng công cộng, điện các công trình công nghiệp;
- Xây dựng kè biển, kè chắn núi, kè sông hồ, kè đê;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trông coi xe ô tô, xe đạp, xe máy;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Dịch vụ ăn uống hàng tươi sống hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm, khảo sát địa hình các công trình xây dựng;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: đu quay, đu lạch tâm, ô tô điện, tàu du lịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Hoạt động vui chơi giải trí khác: kéo dù bay trên biển, cho thuê xe đạp, xe ô tô điện, tàu du lịch;
- Dịch vụ massage, xông hơi và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Hoạt động dịch vụ tang lễ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Xây dựng cơ bản	Số 8 khu I, Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Sửa chữa, xây dựng các công trình của Công ty.
Xí nghiệp Công viên cây xanh	Số 8 khu I, Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Duy tu thường xuyên và không thường xuyên các hạng mục thuộc về Công viên cây xanh
Xí nghiệp Quản lý Môi trường	Số 8 khu I, Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Duy tu thường xuyên và không thường xuyên các hạng mục thuộc về Môi trường
Xí nghiệp Vận tải	Số 8 khu I, Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Thực hiện công tác vận tải để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Số dư tiền mặt tại 31/12/2021 không bao gồm khoản cổ tức chi trả cho các cổ đông năm 2016, 2017, 2018, 2019 và năm 2020 với tổng số tiền: 406.380.000 VND (tại 01/01/2021 là: 282.182.000 VND).

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm

2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.10 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

2.12 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động thường xuyên là doanh thu duy tu cây xanh, vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng công cộng tại các địa bàn tại 2 quận Đồ Sơn và Dương Kinh được Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện đấu thầu dịch vụ công ích.

Doanh thu không thường xuyên là doanh thu từ các công trình xây mới, sửa chữa, bảo trì các công trình công cộng của Thành phố mà Công ty đấu thầu được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản bị trả lại từ kinh doanh dịch vụ du lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Theo đó, các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	471.717.242	194.914.660
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.936.716.744	844.979.545
Các khoản tương đương tiền	3.334.505.577	8.304.505.577
	<u>9.742.939.563</u>	<u>9.344.399.782</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 3.334.505.577 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồ Sơn với lãi suất từ 3%/năm đến 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	502.343.970	502.343.970	478.878.904	478.878.904
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	502.343.970	502.343.970	478.878.904	478.878.904
	502.343.970	502.343.970	478.878.904	478.878.904

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng từ ngày 14/11/2019; lãi suất 6,4%/năm, lãi nhập gốc và tự động gia hạn khi đáo hạn.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Sở Xây dựng Hải Phòng	15.808.822.580	-	26.784.637.801	-
Phòng Quản lý đô thị quận Đồ Sơn	3.127.879.000			
Sở giao thông Hải Phòng	369.582.000	-	205.605.000	-
Ban quản lý dự án quận Đồ Sơn	-		960.802.319	
Phải thu khách hàng khác	65.020.000	-	356.647.000	-
	19.371.303.580	-	28.307.692.120	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Xí nghiệp xây dựng cơ bản	-	-	1.167.864.074	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.081.422.571	-	973.351.191	-
	1.081.422.571	-	2.141.215.265	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Đặt cọc bảo lãnh công trình	-	-	27.700.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	30.760.343	-	20.989.057	-
Phải thu khác	464.374.982	-	353.144.480	-
	495.135.325	-	401.833.537	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	31.962.313.053	959.772.728	30.268.573.888	63.190.659.669
- Mua trong năm	-	-	2.639.145.455	2.639.145.455
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	492.369.150	-	-	492.369.150
- Thanh lý, nhượng bán	-	(129.772.728)	-	(129.772.728)
Số dư cuối năm	32.454.682.203	830.000.000	32.907.719.343	66.192.401.546
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	16.743.621.389	813.402.987	16.756.238.957	34.313.263.333
- Khấu hao trong năm	1.563.340.702	103.382.688	2.654.399.495	4.321.122.885
- Thanh lý, nhượng bán	-	(129.772.728)	-	(129.772.728)
Số dư cuối năm	18.306.962.091	787.012.947	19.410.638.452	38.504.613.490
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	15.218.691.664	146.369.741	13.512.334.931	28.877.396.336
Tại ngày cuối năm	14.147.720.112	42.987.053	13.497.080.891	27.687.788.056

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 9.187.841.513 đồng (tại ngày 01/01/2021 là: 7.822.874.893 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Xí nghiệp Xây dựng cơ bản	5.111.455.570	-	5.058.893.740	-
Xí nghiệp quản lý môi trường	670.323.003	-	2.264.185.450	-
Xí nghiệp công viên cây xanh	-	-	1.740.115.710	-
Phòng Kế hoạch, kỹ thuật	722.435.000	-	4.536.716.333	-
Phải trả các đối tượng khác	484.034.961	-	4.074.375.375	-
	6.988.248.534	-	17.674.286.608	-

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Các khoản người mua trả tiền trước khác	242.352.849	625.706.649
	242.352.849	625.706.649

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**a. Các khoản thuế phải nộp nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.207.154.387	7.968.476.736	8.594.242.173	-	581.388.950
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	944.912.679	637.973.647	809.146.514	-	773.739.812
Thuế Thu nhập cá nhân	-	39.697.041	622.764.349	641.350.393	-	21.110.997
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	593.041.000	360.772.000	360.772.000	-	593.041.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.847.575	4.847.575	-	-
	-	2.784.805.107	9.597.834.307	10.413.358.655	-	1.969.280.759

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

b. Các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác

	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
	VND	VND
Phải nộp Nhà nước tiền thu giá dịch vụ vệ sinh	8.042.930.721	8.042.930.721
Cổ tức từ phần vốn Nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp	575.217.000	575.217.000
	8.618.147.721	8.618.147.721

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Doanh thu bán hầm mộ và chăm sóc, trông coi mộ phần	1.480.524.958	652.781.324
- Doanh thu phí dịch vụ vệ sinh	251.521.818	238.774.545
	<u>1.732.046.776</u>	<u>891.555.869</u>

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Phí vệ sinh phải trả	879.619.161	1.155.290.281
- Phải trả khác cho người lao động	203.087.771	247.797.207
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.182.903.075	499.750.075
	<u>2.265.610.007</u>	<u>1.902.837.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	974.716.575	2.203.721.266	23.178.437.841
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	3.480.837.225	3.480.837.225
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	440.744.253	(440.744.253)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.062.977.013)	(1.062.977.013)
Chi trả cổ tức	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	1.415.460.828	3.480.837.225	24.896.298.053
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	1.415.460.828	3.480.837.225	24.896.298.053
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	3.590.169.123	3.590.169.123
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	696.167.445	(696.167.445)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.784.669.780)	(1.784.669.780)
Chi trả cổ tức	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tặng khác (i)	-	-	261.062.792	261.062.792
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	2.111.628.273	3.851.231.915	25.962.860.188

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 14/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 29 tháng 4 năm 2021 Công ty công bố việc phân phối sử dụng lợi nhuận và sử dụng các quỹ năm 2020 như sau

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	3.480.837.225
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20.00%	696.167.445
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51.27%	1.784.669.780
Chi trả cổ tức (5% Vốn điều lệ)	28.73%	1.000.000.000
Trong đó:		
- Nộp NSNN phần cổ tức được chia trên phần vốn góp Nhà nước tại Doanh nghiệp		575.217.000
- Cổ tức của cổ đông khác		424.783.000

(i) Tăng lợi nhuận sau thuế do thuế TNDN năm 2020 được giảm 30% theo quy định tại nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	57.52%	11.504.340.000	57.52%	11.504.340.000
Vốn góp của các cổ đông khác	42.48%	8.495.660.000	42.48%	8.495.660.000
	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>282.182.000</i>	<i>131.106.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>700.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>700.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>819.926.000</i>	<i>548.924.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>819.926.000</i>	<i>548.924.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>462.256.000</i>	<i>282.182.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.111.628.273	1.415.460.828
	2.111.628.273	1.415.460.828

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tài sản nhận giữ hộ**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Bãi xe khu II Đồ Sơn	12.702.172.000	12.702.172.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	116.221.210.224	109.830.648.416
Hàng bán bị trả lại	64.063.636	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.157.146.588	109.830.648.416
	<u>116.157.146.588</u>	<u>109.830.648.416</u>
Trong đó:		
<i>Doanh thu công trình thường xuyên</i>	66.245.932.496	62.369.235.891
<i>Doanh thu công trình không thường xuyên và công trình A ngoài</i>	49.911.214.092	47.461.412.525

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	100.823.400.026	95.673.019.632
	<u>100.823.400.026</u>	<u>95.673.019.632</u>
Trong đó:		
<i>Giá vốn công trình thường xuyên</i>	53.361.708.489	50.921.112.567
<i>Giá vốn công trình không thường xuyên và công trình A ngoài</i>	47.461.691.537	44.751.907.065
	<u>100.823.400.026</u>	<u>95.673.019.632</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	299.695.171	486.389.356
	<u>299.695.171</u>	<u>486.389.356</u>

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công và dịch vụ mua ngoài	7.104.375.364	6.211.766.421
Chi phí khác bằng tiền	4.082.867.342	4.100.689.113
	<u>11.187.242.706</u>	<u>10.312.455.534</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	48.983.169	19.618.182
	48.983.169	19.618.182

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khác	5.976.634	134.257
	5.976.634	134.257

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.489.205.562	4.351.046.531
Các khoản điều chỉnh tăng	5.976.634	-
- Chi phí không hợp lệ	5.976.634	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.495.182.196	4.351.046.531
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	899.036.439	870.209.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	944.912.679	425.633.689
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước được giảm theo quy định tại nghị quyết 116/2020/QH14	(261.062.792)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(809.146.514)	(350.930.316)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	773.739.812	944.912.679

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.590.169.123	3.480.837.225
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.590.169.123	3.480.837.225
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.795	1.740

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.742.939.563	-	9.344.399.782	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.807.473.818	-	28.640.118.700	-
Đầu tư ngắn hạn	502.343.970	-	478.878.904	-
	30.052.757.351	-	38.463.397.386	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			9.063.956.275	19.400.799.171
Chi phí phải trả			-	17.643.434
			9.063.956.275	19.418.442.605

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Rủi ro tiền tệ: Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì các giao dịch chủ yếu phát sinh bằng VNĐ
- Rủi ro lãi suất: Công ty không chịu rủi ro lãi suất vì không có các khoản vay và nợ phải chịu lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	9.253.858.541	-	-	9.253.858.541
	9.253.858.541	-	-	9.253.858.541
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.577.124.171	-	-	19.577.124.171
Chi phí phải trả	17.643.434	-	-	17.643.434
	19.594.767.605	-	-	19.594.767.605

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ sáu ngày 05 tháng 01 năm 2022. Theo đó người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Trọng Nam - Chủ tịch HĐQT.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.832.694.088	1.022.077.234
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị	1.449.070.918	1.285.910.367

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

	<u>Mã số</u>	<u>Trình bày lại</u> VND	<u>Đã trình bày</u> <u>trên báo cáo năm</u> <u>trước</u> VND
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.351.046.531	2.754.651.486
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	486.389.356	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.110.744.311)	(1.027.959.910)

**Phạm Thị Thu Hằng**
Người lập**Nguyễn Thị Luân**
Kế toán trưởng**Đỗ Trọng Nam**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2022